

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+P7+P3	7:25	9+13+0	0+0+0		0+18+3	0+0+0	
2		C10+VSP02+TD3	7:25	18+0	0+0		16+3	0+0	
3		PPD+PVD2+RC3	7:25	22+0+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
4		BK4+PPD+P1	9:25	10+12+0	0+0+0		1+10+8	0+0+0	CHUYEN 3 PAX PPD-p1
5		PPD+P7+AMD	9:25	22+0+0	0+0+0		0+16+5	0+0+0	
6		GT1+P5+P4	9:25	15+5+0	0+0+0		7+2+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
HÀNG ĐI PPD PHẢI GỬI TỪ CHUYỂN ĐÓT 1.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2018	TO: PPD - P7 - P3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - MQUAN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC TRUNG	PPD	86	1	7		72	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC THIÊN	PPD	85	1	7		70	KHI	Vietnamese
3	TRAN BINH THUAN	PPD	04	1	7		65	KHI	Vietnamese
4	LUU MINH DUC	PPD	91-92	2	12		65	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN HOANG TUNG	PPD	95-96	2	10		60	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TUYEN	PPD	97-98	2	20	30	62	KHI	Vietnamese
7	TIONG YEE KING	PPD	93-94	2	18		94	KHI	Malaysian
8	NGUYEN NHU Y	PPD	90	1	7	55	60	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN BA HUNG	PPD	88-89	2	9		72	KHI	Vietnamese
10	HOANG MINH THUONG	PPD	87	1	8		65	CO DIEN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HOAN	P7	26-27	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN SANG	P7	21	1	10		69	XAYLAP	Vietnamese
13	LE CONG NAM	P7	13-14	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN KIM HUONG	P7	17-18	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN DINH PHU	P7	11-12	2	12		82	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN NAM KHANH	P7	22-23	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
17	LUONG DUC DAN	P7	10	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN GIA HIEU	P7	16	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN CANH LUYEN	P7	19-20	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐO XUAN HIỆP	P7	24	1	16		72	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI VAN CHUNG	P7	25	1	9		48	XAYLAP	Vietnamese
22	TRAN VAN SON	P7	15	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	15	105	685	85	0		
2	P7	12	18	163	797	0	18		
3	P3	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	33	268	1.482	85	21		
WEIGHT KG				268	1.482	85			

GRAND TOAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2018	TO: CLO - VSP02 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - HTNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DINH SAN	CLO	24	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
2	KIRICHENKO K.P	CLO	29-30	2	17	30	80	KHOAN	Russian
3	PHAN CONG PHU	CLO	21	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VIET HUNG	CLO	15	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	VU THE NANG	CLO	19	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG KIM DUONG	CLO	18	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN LY	CLO	16	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	VÔ VĂN HUNG	CLO	35	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN LONG	CLO	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN ĐÔNG	CLO	20	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TAM	CLO	25	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	VU HAI LONG	CLO	23	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRAN NAM	CLO	27-28	2	16		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ĐỨC THẮNG	CLO	31-32	2	16		74	NHA THAU	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEN	CLO	22	1	5		74	DVL	Vietnamese
16	VU THANH DUONG	CLO	34	1	5		80	DVL	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HỒ	CLO	33	1	12		70	DVL	Vietnamese
18	TRẦN VĂN THỤ	CLO	26	1	5		52	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	18	21	125	1.268	30	16		
2	VSP02	0	0	0	0	0	3		
3	TD3	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	21	125	1.268	30	20		
WEIGHT KG				125	1.268	30			

GRAND TOAL: 1.423 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 9/24/2018	TO: PPD - PVD2 - RC3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vậ - TÙNG - Huy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VO TA QUANG	PPD	90	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN VAN BAU	PPD	69	1	5	24	60	ANTOAN	Vietnamese
3	DUONG TRUNG DUNG	PPD	64	1	14	60	69	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG DUY TAI	PPD	62-63	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
5	HA ĐỨC KHANH	PPD	96-97	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG TUAN CUONG	PPD	90-91	2	15		74	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ HỒNG VAN	PPD	65-66	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ XUÂN PHƯƠNG	PPD	92-93	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HUONG	PPD	94-95	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	71	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ NGỌC SON	PPD	48	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM QUANG NAM	PPD	68	1	8		78	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC THU	PPD	67	1	5		58	KHI	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	99	1	5		95	KHI	Vietnamese
15	BERNHIKOV V.N	PPD	59	1	7		110	KHI	Russian
16	KHARITONOV	PPD	100	1	10		71	KHI	Russian
17	NGUYEN MINH VIEN	PPD	61	1	6		72	KHI	Vietnamese
18	ĐINH THÈ QUẢN	PPD	98	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	PHAN VĂN TÙNG	PPD	70	1	8		75	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN DUNG	PPD					70	KHI	Vietnamese
21	BUI THANH HAI	PPD	60	1	3		62	KHI	Vietnamese
22	PHẠM VĂN MỪNG	PPD	49	1	2		78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	27	189	1.569	84	13		
2	PVD2	0	0	0	0	9	5		
3	RC3	0	0	0	0	60	4		
TOTAL		22	27	189	1.569	153	22		
WEIGHT KG				189	1.569	153			

GRAND TOAL: 1.911 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2018	TO: BK4 - PPD - P1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - MQUAN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH THAI	BK4	49	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
2	TRINH VAN TU	BK4	56	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG SY	BK4	52	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VU HOI	BK4	50-51	2	10		73	XAYLAP	Vietnamese
5	PHUNG THE TAI	BK4	34-35	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN DONG	BK4	54-55	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN MINH HUNG	BK4	32	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
8	VU XUAN CHINH	BK4	37,53	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN TOAN	BK4	48	1	11	55	70	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN HUNG	BK4	33	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	DOAN VIET DIEP	PPD	13	1	5		60	KHI	Vietnamese
12	DO MINH DUC	PPD	05	1	5		80	KHI	Vietnamese
13	HA VAN CANH	PPD	11	1	10		63	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC ANH	PPD	16	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU HAO	PPD	07	1	8	60	78	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN HA NIN	PPD	14	1	10		76	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN DUC NGOC	PPD	15	1	9		70	KHI	Vietnamese
18	HOANG CONG QUAN	PPD	12	1	4		85	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN THANH SON	PPD	06	1	5		52	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	10	1	3		55	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HA	PPD	09	1	5		57	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HUYNH	PPD	08	1	6		50	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	10	14	127	650	55	1		
2	PPD	12	12	75	801	60	10	63	CHUYEN 3 PAX TU PPD SANG P1
3	P1	0	0	0	0	20	9		
TOTAL		22	26	202	1.451	135	20		
WEIGHT KG				202	1.451	135			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2018	TO: PPD - P7 - AMD	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Văn - TÙNG - Huy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SƠN HAI	PPD	02	1	6	20	74	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ CHUNG KIEN	PPD	07	1	4		64	KHI	Vietnamese
3	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	03	1	6	28	72	KHI	Vietnamese
4	HA THE BAO	PPD	05	1	9		76	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	30	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN CHIÊN	PPD	04	1	5		71	KHI	Vietnamese
7	LÊ QUANG NINH	PPD					69	KHI	Vietnamese
8	TRINH HOANG THEM	PPD	06	1	6		69	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TIẾP	PPD	10-11	2	16		71	KHI	Vietnamese
10	DƯƠNG ĐẶNG NHA	PPD	08-09	2	10		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BÌNH	PPD	12	1	9		70	KHI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	15-16	2	20	12	72	KHI	Vietnamese
13	HỒ SY HOANG	PPD	13-14	2	10		74	KHI	Vietnamese
14	ĐẶNG ANH TUÂN	PPD	18	1	4		51	KHI	Vietnamese
15	VƯƠNG QUỐC VŨNG	PPD	21	1	6		48	KHI	Vietnamese
16	MAI VĂN HAI	PPD	23-24	2	10		67	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TOÀN	PPD	20	1	5		58	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN KHÁC LAM	PPD	25-26	2	8		65	KHI	Vietnamese
19	VŨ TĂNG GIÁP	PPD	19	1	2		62	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NINH	PPD	22	1	7		66	KHI	Vietnamese
21	LÊ HOANG NAM	PPD	29	1	4		60	KHI	Vietnamese
22	BUI SONG TOAN	PPD	01	1	7		73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	27	159	1.472	60	0		
2	P7	0	0	0	0	0	16		
3	AMD	0	0	0	0	40	5		
TOTAL		22	27	159	1.472	100	21		
WEIGHT KG				159	1.472	100			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/09/2018	TO: GTC1 - P5 - P4	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Cuong - VTHU - HTNam	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN HUY	GTC1	51	1	12		77	XAYLAP	Vietnamese
2	DUONG VAN QUAN	GTC1	50	1	10	12	65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN DINH TUAN	GTC1	54	1	7		58	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN SANH TRUONG	GTC1	61-62	2	12		63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN LUONG	GTC1	15	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN HAM CHUNG	GTC1	91	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM VAN MAI	GTC1	67	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
8	TRUONG THE HUY	GTC1	63-64	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THE	GTC1	56	1	14		64	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DIEN	GTC1	55	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
11	QUAN VAN KHANH	GTC1	60	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
12	LE XUAN HUNG	GTC1	57	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
13	DANG TAT HANH	GTC1	65	1	17	10	65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VIET DUC	GTC1	58-59	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN KHAC THO	GTC1	52-53	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
16	ISKANDEROV	P5	74	1	8		75	ANTOAN	Russian
17	HOANG VINH PHU	P5	73	1	5	30	74	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC ANH	P5	70	1	8		67	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG THANH	P5	71	1	6		68	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TUNG	P5	72	1	16		60	ANTOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TUAN	P4	41	1	8	12	70	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	15	19	184	989	22	9		
2	P5	5	5	43	344	30	2	10	
3	P4	1	1	8	70	12	6		
TOTAL		21	25	235	1.403	64	17		
WEIGHT KG				235	1.403	64			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/09/2018	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 14:30
FLIGHT:	TO: MRM	CREW: HLONG - Phuong	ETA: 17:30

ROUTE: VT - MRM - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - MRM								
1	NIL PAX					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1	VSP TOOLS	65-68	MRM	4	123
	PAX WEIGHT				0
	BAG WEIGHT				0
	CARGO WEIGHT				123.0
	TOTAL				123.0

REMARK : REMOVE 08 SEAT FOR LOADING CARGO

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX:

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL 2500 kg (Phuong)

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/09/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+RP3+PPD	7:25	6+16+0	0+0+0		0+21+0	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ RP3-PPD
2		TD2+TTC2	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
3		RCDM+PVD2+JS2	7:25	2+18+0	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
4		PPD+TD3+PVD2	9:25	15+0+5	0+0+0		1+8+13	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ PPD-TD3
5		TD1+P4	9:25	7+13	0+0		6+15	0+0	

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2018	TO: CLO - RP3 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Khang - MTuân - NNam	ETA: 09:10
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO VĂN ĐỊNH	CLO	91	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN PHI BĂNG	CLO	88	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ QUANG HUNG	CLO	89	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
4	HOANG VAN MẠNH	CLO	90	1	14		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG BẠCH	CLO	92-93	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
6	THAI ĐỨC DUNG	CLO	87	1	7	15	67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG TAM	RP3	55	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TU NGỌC HAI	RP3	57	1	5		72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3	64	1	3		63	KHI	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	61	1	4		69	KHI	Vietnamese
11	LÀNH TRUNG ĐÔNG	RP3	58	1	3		67	KHI	Vietnamese
12	ĐANG HUY KHANH	RP3	67	1	4	87	80	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					77	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	69	1	7		59	KHI	Vietnamese
15	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	59	1	5		80	KHI	Vietnamese
16	PHẠM DUY DUNG	RP3					70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	60	1	2		63	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN TUÂN BÌNH	RP3	65-66	2	7		61	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN QUÂN	RP3	68	1	3		74	KHI	Vietnamese
20	LUƠNG THẾ HIEN	RP3	62-63	2	12		62	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN VY	RP3	56	1	3	30	67	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	74	1	2		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	6	7	80	407	15	0		
2	RP3	16	16	66	1.097	117	21		CHUYEN 01 PAX TU RP3 SANG PPD
3	PPD	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	146	1.504	132	22		
WEIGHT KG				146	1.504	132			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2018	TO: TD2 - TTC2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Thanh - HUNG - Năm	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	51	1	9	100	125	KHOAN	Russian
2	BRATCHIKOV A.S	TD2	50	1	14		89	KHOAN	Russian
3	NGUYEN HUU LONG	TD2	98	1	10		61	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VAN CHINH	TD2	53	1	5	21	83	KHOAN	Vietnamese
5	LY ANH TUAN	TD2	40	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG VAN BAC	TD2					77	KHOAN	Vietnamese
7	CAO DINH THANH	TD2					60	KHOAN	Vietnamese
8	ĐANG VAN ĐÀO	TD2	52	1	7		59	KHOAN	Vietnamese
9	BUI NGOC ĐO	TD2					72	KHOAN	Vietnamese
10	ĐO VAN CUONG	TD2	57	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG DINH THANG	TD2	59-60	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH QUANG HUY	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
13	VU XUAN TRUONG	TD2	54-55	2	20		66	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ VAN HUNG	TD2	58	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HUY THAI	TD2	56	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC CHIEN	TD2	47-48	2	12		74	NHA THAU	Vietnamese
17	LEE ZHI YING	TD2	36-37	2	15		80	NHA THAU	Singapore
18	GILBERT CHIA SOON HENG	TD2	99-100	2	20		77	NHA THAU	Singapore
19	LÊ TUẤN ANH	TD2	61-62	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN HONG QUAN	TD2	97	1	11		74	CODIEN	Vietnamese
21	ĐO VAN THANH	TD2	38	1	10		77	CODIEN	Vietnamese
22	SEREBROV	TD2	49	1	13		80	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	24	196	1.654	121	18		
2	TTC2	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	24	196	1.654	121	22		
WEIGHT KG				196	1.654	121			

GRAND TOAL: 1.971 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2018	TO: RCDM - PVD2 - JS2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Cuong - VTHU - HNAM	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NGOC PHUONG	RCDM	96	1	8	130	70	CODIEN	Vietnamese
2	TRAN DINH DIEP	RCDM	95	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
3	BUUI XUAN THEM	PVD2	46	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VIET HIEU	PVD2	44	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
5	HA VAN GIANG	PVD2	49	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
6	CU DINH TUNG	PVD2	40	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
7	DINH VAN CHAO	PVD2	38	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
8	BUI VAN CHINH	PVD2	42	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM HOANG DAT	PVD2	43	1	5	10	81	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	48	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN XUAN NINH	PVD2	39	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
12	VO VAN HOAT	PVD2	41	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH VAN BINH	PVD2	47	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MINH TUNG	PVD2	45	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
15	VU NGOC KHUYEN	PVD2	54-56	3	17		69	KHOAN	Vietnamese
16	LE DINH LONG	PVD2	58-59	2	17		67	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM VAN KHIEM	PVD2	50-51	2	14		61	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN THANH PHUONG	PVD2	52-53	2	17		70	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH VUONG	PVD2	62	1	5		52	KHOAN	Vietnamese
20	PHAN XUAN LONG	PVD2	57	1	5		71	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	2	2	13	138	130	4		
2	PVD2	18	23	146	1,221	10	13		
3	JS2	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	25	159	1,359	140	22		
WEIGHT KG				159	1,359	140			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2018	TO: PPD - TD3 - PVD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - MTuấn - NNam	ETA: 11:20
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TRẦN HỮU PHÚC	PPD	32	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
2	NG. SƠN TRƯỜNG	PPD	35	1	2	35	65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ANH VŨ	PPD	34	1	15		72	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ CÔNG ANH	PPD	36	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MINH TUẤN	PPD	45	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HOANG	PPD	41	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THIỆU	PPD	48-49	2	12		70	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUÂN	PPD	47	1	8		70	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LẠC	PPD	37	1	18		95	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN AI	PPD	38-39	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ XUÂN HIẾN	PPD	40	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
12	SAVELEV	PPD	46	1	12		120	NIPI	Russian
13	QUẦN ĐỨC THẮNG	PPD	42-44	3	18		60	NIPI	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT BÌNH	PPD	31	1	4		60	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH TIỆN	PPD	33	1	5		69	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH LY	TD3	97	1	14		76	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT SƠN	TD3	98	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LINH	PVD2	70	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG BANG	PVD2	71	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN NAM HẢI	PVD2	68-69	2	10	25	74	T-TIN	Vietnamese
21	CAO KINH THAO	PVD2	65	1	10		70	T-TIN	Vietnamese
22	PHẠM HUY ĐÌNH	PVD2	66-67	2	12	20	57	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	19	149	1.111	35	3	1	CHUYỂN 1 PAX PPD SANG TD3
2	TD3	2	2	19	146	0	6		
3	PVD2	5	7	41	329	45	13		
TOTAL		22	28	209	1.586	80	22		
WEIGHT KG				209	1.586	80			

GRAND TOAL: 1.875 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/09/2018	TO: TD1 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Thanh - HUNG - Nam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEKHIN	TD1	70	1	9	40	98	KHOAN	Russian
2	HA THANH TUNG	TD1	63-64	2	6		92	KHOAN	Vietnamese
3	LUONG VAN DINH	TD1	68	1	10		66	NHA THAU	Vietnamese
4	LUONG VAN HANH	TD1	67	1	9		69	NHA THAU	Vietnamese
5	NGUYEN CANH CHUNG	TD1	65	1	8		59	NHA THAU	Vietnamese
6	ĐANG VAN TUAN	TD1	66	1	6		63	NHA THAU	Vietnamese
7	NGUYEN VAN VINH	TD1	69	1	9		66	NHA THAU	Vietnamese
8	HA QUOC VIET	P4	53	1	2	80	59	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN QUYEN	P4	62	1	10	21	72	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN BACH DUONG	P4	48	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	SUDAKOV A.A	P4	56	1	6		118	KHI	Russian
12	BUI HUU LAN	P4	47	1	4		75	KHI	Vietnamese
13	LE VAN HUONG	P4	52	1	4		71	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN DINH CU	P4	49	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	TA VAN QUYNH	P4	54	1	5		75	KHI	Vietnamese
16	LE NGOC KY	P4	55	1	5		74	KHI	Vietnamese
17	HOANG HUY TIEN	P4	46	1	6		55	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TAI	P4	51	1	4		69	KHI	Vietnamese
19	LE TRUNG LAM	P4	50	1	4		68	KHI	Vietnamese
20	HOANG THAI DUONG	P4					75	KHI	Vietnamese
21	VU TRONG TU	P4	44-45	2	8		63	PVE	Vietnamese
22	NGUYEN TRUONG THANH	P4	43	1	5		66	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	8	57	513	40	6		
2	P4	15	15	73	1.090	101	15		
TOTAL		22	23	130	1.603	141	21		
WEIGHT KG				130	1.603	141			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN